

Bản án số: 57/2022/HS-ST

Ngày 13-12-2022

**NHÀ AN DANHÀ  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÀ AN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Minh Thông

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Văn Lầy

2. Bà Hoàng Thị Chính hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thanh Hà Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 55/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 544/2020/QĐXXST-HS ngày tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Đỗ Văn T**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1967 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ Q 3, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn N và bà Trần Thị Q; có vợ là Bùi Thị B à 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự, nhân thân: Ngày 19/01/1986 bị Công an thị xã K bắt về Hnhà vi chế tạo, tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 25 tháng 02 năm 2022 đến ngày 02 tháng 3 năm 2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn từ “Tạm giữ” sang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Thế S**, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1974 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Vũ Thị P; có vợ là Nguyễn Hải H, sinh năm 1978 và 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự, nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2013/HS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2013 Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 02 năm 07

tháng 24 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 25 tháng 02 năm 2022 đến ngày 02 tháng 3 năm 2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn từ “Tạm giữ” sang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

**3. Bùi Tích N**, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1983 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 55 đường T, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Tích K và bà Bùi Thị C; có vợ là Ngô Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 25 tháng 02 năm 2022 đến ngày 02 tháng 3 năm 2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ “Tạm giữ” sang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

**4. Trần Thị H**, sinh ngày 24 tháng 7 năm 1991 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ T 2, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức V và bà Cao Thị C; có chồng là Đặng Quang C và 03 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 25 tháng 02 năm 2022 đến ngày 02 tháng 3 năm 2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ “Tạm giữ” sang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

**5. Nguyễn Văn P**, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1976 tại Hải Phòng. ĐKNK: Tổ P, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị H; có vợ là Đặng Thị D và 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 25 tháng 02 năm 2022 đến ngày 02 tháng 3 năm 2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ “Tạm giữ” sang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

**6. Phạm Thị L**, sinh ngày 12 tháng 5 năm 1985 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Trần Thị M; có chồng là Trần Tuấn A và 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 25 tháng 02 năm 2022 đến ngày 02 tháng 3 năm 2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ “Tạm giữ” sang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 25/02/2022, Bùi Tích N, Nguyễn Thế S, Nguyễn Văn P đến nhà Đỗ Văn T ở số 30A/92 đường L, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng

chơi. Tại đây, N, S, P và T thống nhất việc đánh phỏm ăn tiền bằng bài tú lơ khơ tại phòng khách nhà T. Đỗ Văn T đi lấy thăm và bài tú lơ khơ để mọi người cùng chơi và thống nhất luật chơi như sau: Bộ bài tú lơ khơ có 52 cây bài, 04 người chơi, trong đó 03 người chơi mỗi người chơi được chia 08 cây (lá bài) còn một người chơi được chia 09 lá bài, số lá bài còn lại được để ở giữa 04 người chơi gọi là nọc. Người có 09 lá bài sẽ đánh lá bài đầu tiên cho người chơi bên cạnh theo chiều kim đồng hồ. Nếu người chơi ngồi sau thấy lá bài của người chơi trước đánh hợp với các lá bài trên tay mình (gọi là phỏm) thì có thể ăn hoặc không ăn lá bài đó. Nếu ăn thì dùng một lá bài trên tay đang cầm đánh cho người bên cạnh. Nếu không ăn thì được lấy 01 lá bài dưới nọc rồi được đánh 01 lá bài trên tay đang cầm cho người bên cạnh cũng theo chiều kim đồng hồ. Lượt chơi cứ thế tiếp diễn cho đến khi hết các lá bài trong nọc hoặc có người ù. Các bên đều thống nhất người không có phỏm phải trả cho người về nhất số tiền là 300.000đ; người về thứ 4 sẽ phải trả cho người về nhất số tiền 150.000đ, người về ba sẽ phải trả cho người về nhất số tiền 100.000đ, người về nhì sẽ phải trả cho người về nhất số tiền 50.000đ. Nếu có người ù thì ba người còn lại sẽ phải trả cho người ù số tiền 500.000đ, ngoài ra các bên còn thỏa thuận một số điều kiện khác như ù đồng hoa, ù tứ quý; ăn hai cây, ù đèn, ăn cây chốt hạ.... Trường hợp người nào ù sẽ phải bỏ ra số tiền 50.000đ để sử dụng vào việc mua chè thuốc và đồ ăn trưa.

Cả bọn đánh đến khoảng 11 giờ 30 phút thì Trần Thị H đến chơi, lúc này do T hết tiền nên đã thôi không đánh mà để Trần Thị H tiếp tục tham gia đánh bạc. Đến khoảng 12 giờ thì Phạm Thị L đến nhà T chơi và ngồi sau Nguyễn Văn P xem đánh bạc. Được một lúc thì P đi vệ sinh và nhờ L chơi hộ mấy ván, L đồng ý chơi hộ giúp P. Phạm Thị L chơi giúp Nguyễn Văn P được 02 ván, ván bài thứ nhất L về ba nên đã lấy tiền dưới chiếu chỗ P ngồi trả cho người về nhất số tiền 100.000đ, đang chơi ván thứ hai thì P quay lại cầm bài và chơi tiếp. Cả bọn đánh đến khoảng 13 giờ thì nghỉ ăn trưa sau đó tiếp tục đánh tiếp. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an quận K kiểm tra Nhà chính, phát hiện bắt quả tang. Tang vật thu giữ gồm có: 02 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 04 tấm thảm màu đỏ mặt kích thước 0,5x0,5m; 01 tấm thảm đỏ kích thước 0,8x1,2m; số tiền 23.125.000đ; 01 điện thoại Iphone 7 Plus, 01 điện thoại Xiaomi; 01 điện thoại Samsung; 01 điện thoại Vivo và 01 điện thoại Iphone 6.

Quá trình điều tra đã làm rõ số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc như sau: Đỗ Văn T sử dụng 600.000đ để đánh bạc và thua hết; Nguyễn Thế S có khoảng 10.000.000đ tham gia đánh bạc; Bùi Tích N sử dụng 5.000.000đ tham gia đánh bạc; Trần Thị H sử dụng 5.000.000đ tham gia đánh bạc; Nguyễn Văn P sử dụng 3.000.000đ tham gia đánh bạc; Phạm Thị L chỉ chơi giúp Nguyễn Văn P 02 ván, không có mục đích đánh bạc.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, thành phố Hải Phòng đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Đỗ Văn T, Nguyễn Thế S, Bùi Tích N, Nguyễn Văn P, Trần Thị H, Phạm Thị L đều về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Khởi tố

bị can đối với Đỗ Văn T về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Văn T, Nguyễn Thế S, Bùi Tích N, Nguyễn Văn P, Trần Thị H, Phạm Thị L đã khai nhận toàn bộ Hành vi phạm tội của mình và đồng bọn như nội dung vụ án đã nêu.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022, tại bản Cáo trạng số 56/CT-VKS của Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng truy tố Đỗ Văn T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 và “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Thế S, Bùi Tích N, Nguyễn Văn P, Trần Thị H, Phạm Thị L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thế S từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 30 đến 36 tháng; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Văn P, Bùi Tích N, Trần Thị H mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị L từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự, phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Đỗ Văn T số tiền 50.000.000đ đến 60.000.000đ để sung quỹ nhà nước. Về án phí: Buộc các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Thế S, Bùi Tích N, Nguyễn Văn P, Trần Thị H, Phạm Thị L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Thế S, Bùi Tích N, Nguyễn Văn P, Trần Thị H, Phạm Thị L không có ý kiến gì về tội danh và điều luật áp dụng mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình khó khăn, khoan hồng, giảm tiền phạt bổ sung và cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

### **NHÀN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định tố tụng của người tiến Hành tố tụng.

Do đó, các Hnhà vi, quyết địnhà tổ tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnhà sát điều tra Công an quận K, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Kiểm sát viên thu thập, do người tiến Hnhà tổ tụng, người tham gia tổ tụng khác thu thập, cung cấp đều tuân thủ đúng các quy địnhà của Bộ luật Tổ tụng hìnhà sự, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại do đó các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Thế S, Nguyễn Văn P, Bùi Tích N, Trần Thị H, Phạm Thị L tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp với Biên bản phạm pháp quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Thế S, Nguyễn Văn P, Bùi Tích N, Trần Thị H, Phạm Thị L cố ý tham gia đánh bạc trái phép dưới hìnhà thức chơi phỏm ăn tiền bằng bài Tú lơ khờ với số tiền đánh bạc xác địnhà được là 23.125.000đ. Đỗ Văn T sử dụng nhà của bị cáo cho các bị cáo đánh bạc, chuẩn bị bài tú lơ khờ, thăm trải nhà, với số tiền đánh bạc xác địnhà được là 23.125.000đ. Hnhà vi của Đỗ Văn T đã vi phạm Điều 321 và Điều 322 Bộ luật Hìnhà sự, phạm tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc”; Hnhà vi của Nguyễn Thế S, Nguyễn Văn P, Bùi Tích N, Trần Thị H, Phạm Thị L đã vi phạm Điều 321 Bộ luật Hìnhà sự, phạm tội “Đánh bạc”. Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo về các tội danhà theo điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tìnhà tiết địnhà khung hìnhà phạt: Với tổng số tiền đánh bạc xác địnhà được trong vụ án là 23.125.000đ, các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Thế S, Nguyễn Văn P, Bùi Tích N, Trần Thị H, Phạm Thị L không vi phạm tìnhà tiết nào khác, vì vậy các bị cáo Nguyễn Thế S, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn P, Bùi Tích N, Trần Thị H, Phạm Thị L chỉ phải chịu trách nhàiệm hìnhà sự theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hìnhà sự. Bị cáo Đỗ Văn T có Hnhà vi sử dụng nhà của bị cáo cho các bị cáo đánh bạc, chuẩn bị bài tú lơ khờ, thăm trải nhà để các bị cáo đánh bạc với số tiền đánh bạc xác địnhà được là 23.125.000đ, vì vậy bị cáo Đỗ Văn T còn phải chịu trách nhàiệm hìnhà sự về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hìnhà sự.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của Hnhà vi phạm tội: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, Hnhà vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không nhàiều xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn gây mất trật tự, trị an, mất an toàn xã hội. Đánh bạc, tổ chức đánh bạc trái phép cũng là một trong nhàiều nguyên nhân làm phát sinh nhàiều vi phạm pháp luật, nhàiều tội phạm khác đồng thời làm mất đi thời gian, công sức của nhàiều người, làm ảnh hưởng đến công việc của nhàiều cá nhân và sự hoạt động bìnhà thường của nhà nước và xã hội. Vì vậy, pháp luật yêu cầu phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

[6] Về tính chất của đồng phạm: Vụ án này có đồng phạm, nhàiều người tham gia. Các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Thế S, Nguyễn Văn P, Bùi Tích N, Trần

Thị H, Phạm Thị L không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo khi thực hiện tội phạm, các bị cáo đều là người khởi xướng khi tham gia đánh bạc; bị cáo Phạm Thị L chỉ có Hnhà vi giúp sức cho Nguyễn Văn P đánh 02 ván bài, do vậy đây chỉ là hìnhà thức đồng phạm giản đơn, tự phát, không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

[7] Về tìnhà tiết tăng nặng trách nhaiệm hìnhà sự của các bị cáo: Các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Thế S, Nguyễn Văn P, Bùi Tích N, Trần Thị H, Phạm Thị L đều không có tìnhà tiết tăng nặng trách nhaiệm hìnhà sự.

[7] Về tìnhà tiết giảm nhaiệ trách nhaiệm hìnhà sự: Bị cáo Nguyễn Thế S, Đỗ Văn T, Bùi Tích N, Nguyễn Văn P, Trần Thị H, Phạm Thị L khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đây là tìnhà tiết giảm nhaiệ trách nhaiệm hìnhà sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hìnhà sự; các bị cáo Bùi Tích N, Nguyễn Văn P, Trần Thị H, Phạm Thị L đều phạm tội đánh bạc lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tìnhà tiết giảm nhaiệ hìnhà phạt theo quy địnhà tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hìnhà sự. Các bị cáo đều có hoàn cảnhà gia đìnhà khó khăn đây là tìnhà tiết giảm nhaiệ hìnhà phạt theo quy địnhà tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hìnhà sự.

[13] Về hìnhà phạt đối với các bị cáo:

Đối với các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Thế S, Nguyễn Văn P, Bùi Tích N, Trần Thị H tham gia đánh bạc dưới hìnhà thức đánh phỏm bằng bài tú lơ khơ là tự phát, nhất thời phạm tội, các bị cáo có nhaiều tìnhà tiết giảm nhaiệ trách nhaiệm hìnhà sự. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Thế S, Nguyễn Văn P, Bùi Tích N, Trần Thị H không có tìnhà tiết tăng nặng trách nhaiệm hìnhà sự; đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ổn địnhà, có thể tự cải tạo thành công dân tốt, có ích cho xã hội; hiện các bị cáo đang được tại ngoại, đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, cho các bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử đã thận trọng xem xét nhân thân, hoàn cảnhà gia đìnhà của các bị cáo, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, thấy cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hìnhà sự để xử lý đối với các bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tại phiên tòa, cho các bị cáo được hưởng án treo, giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục để tạo điều kiện cho các bị cáo tiếp tục lao động, tự cải tạo thành người có ích cho xã hội cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Đỗ Văn T, bị cáo ngoài việc phạm tội “Đánh bạc”, bị cáo còn cho các bị cáo dùng nhà mìnhà làm địa điểm đánh bạc, chuẩn bị bài tú lơ khơ, thăm trải nhà. Do số tiền các bị cáo đánh bạc xác địnhà được là 23.125.000đ. Mặc dù chỉ có một lần vi phạm nhưng bị cáo vẫn phải chịu trách nhaiệm hìnhà sự về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hìnhà sự nên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, áp dụng Điều 35 Bộ luật Hìnhà sự, phạt tiền là hìnhà phạt chínhà đối với bị cáo Đỗ Văn T về tội “Tổ chức đánh bạc” để đảm bảo sự công bằng của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thận trọng xem xét nhân thân, hoàn cảnhà gia đìnhà của bị cáo, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, thấy cần áp dụng Điều 35 Bộ luật Hìnhà sự để xử lý

đối với bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tại phiên tòa là có cơ sở.

Đối với Phạm Thị L, xét việc tham gia có mức độ, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ. Hội đồng xét xử thấy bị cáo L chỉ là người giúp sức cho bị cáo P, không có mục đích đánh bạc, do vậy cần chấp nhận ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp pháp luật. Do vị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên miễn khâu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

[14] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[15] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án gồm 02 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 04 tấm thảm màu đỏ mặt kích thước 0,5x0,5m; 01 tấm thảm đỏ kích thước 0,8x1,2m; số tiền 23.125.000đ; 01 điện thoại Iphone 7 Plus, 01 điện thoại Xiaomi; 01 điện thoại Samsung; 01 điện thoại Vivo và 01 điện thoại Iphone 6. Đối với 02 bộ bài tú lơ khơ và 05 tấm thảm là công cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; đối với số tiền 23.125.000đ là số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với 01 điện thoại Iphone 7 Plus, 01 điện thoại Xiaomi; 01 điện thoại Samsung; 01 điện thoại Vivo và 01 điện thoại Iphone 6 xét không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho các bị cáo.

[16] Về án phí: Các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Thế S, Nguyễn Văn P, Bùi Tích N, Trần Thị H, Phạm Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Văn T số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) về tội “Tổ chức đánh bạc” để sung quỹ nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thế S 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 12 (mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn P, Bùi Tích N, Trần Thị H mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho

hưởng án treo, thời hạn thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Thị L 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được bản án và Quyết định thi hành án của Tòa án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với Phạm Thị L trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao Đỗ Văn T cho Ủy ban nhân dân phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; giao Bùi Tích N, Trần Thị H cho Ủy ban nhân dân phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; giao Nguyễn Thế S, Nguyễn Văn P cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Giao Phạm Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng quản lý, giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sĩ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật Thi hành án hình sự. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Người chấp hành án cải tạo không giam giữ có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không quá 30 ngày và tổng



số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá 1/3 thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế.

Người chấp hành án cải tạo không giam giữ khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát giáo dục. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 04 tấm thảm màu đỏ mặt kích thước 0,5x 0,5m; 01 tấm thảm đỏ kích thước 0,8x1,2m. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 23.125.000đ; trả lại cho bị cáo Bùi Tích N 01 điện thoại Iphone 7Plus, 01 điện thoại Xiaomi; trả lại cho bị cáo Nguyễn Thế S 01 điện thoại Samsung; trả lại cho bị cáo Trần Thị H 01 điện thoại Vivo và trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn P 01 điện thoại Iphone 6 theo Biên bản giao nhận vật chứng và Ủy nhiệm chỉ của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Thế S, Nguyễn Văn P, Bùi Tích N, Trần Thị H, Phạm Thị L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Thế S, Nguyễn Văn P, Bùi Tích N, Trần Thị H, Phạm Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- CQCSĐT-Công an quận K;
- CQTHAHS-Công an quận K;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- PV06; PC10 Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận K;
- Sở Tư pháp Hải Phòng;
- Trại tạm giam Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**Hoàng Minhà Thông**



